TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2024/DS-ST
Ngày: 09-5-2024
V/v tranh chấp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Giang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Đức Tâm

2. Ông Từ Xuân Tiếng

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Huỳnh Như Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Thắm – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 56/2024/TLST-DS ngày 31 tháng 01 năm 2024 về việc "Tranh chấp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 123/2024/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 4 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 95/2024/QĐST-DS ngày 19/4/2024, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1972

Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn G, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L là ông Đỗ Hiệp P, sinh năm 1995. Địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang và ông Nguyễn Minh B, sinh năm 1981, địa chỉ: Ấp K, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre theo văn bản ủy quyền ngày 15/12/2023.

2/ Bị đơn: Bà Phạm Thị Thu N, sinh năm 1975

Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn G, huyện G, tỉnh Bến Tre.

3/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Võ Thanh T, sinh năm 1974

Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn G, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Ông P có mặt. Bà N, ông T vắng mặt.

Ông B có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền tham

gia tố tụng của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L là ông Đỗ Hiệp P trình bày:

Do có mối quan hệ hàng xóm, quen biết nên vào năm 2022 AL, bà N có tham gia chơi hụi do bà L làm chủ hụi. Cụ thể như sau:

Hụi 3.000.000 đồng/tháng, có 04 dây khui cùng ngày 25/02/2022 AL, mỗi dây hụi có 24 phần, mãn ngày 25/12/2023 AL (nhuần 02 tháng 4), bà N tham gia mỗi dây 01 phần. Bà N đã hốt 02 phần hụi vào ngày 30/02/2022 AL và hốt 02 phần hụi còn lại vào ngày 30/4/2022 AL. Sau khi hốt 04 phần hụi nêu trên, bà N có đóng hụi chết cho bà L đầy đủ, đến tháng 3/2023 AL thì bà N ngưng không đóng nữa. Số tiền hụi chết bà N còn phải trả cho bà L từ tháng 3/2023 AL cho đến khi mãn hụi tháng 12/2023 AL là 10 tháng x 3.000.000 đồng/tháng x 04 phần = 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng).

Hụi 3.000.000 đồng/tháng, có 02 dây khui cùng ngày 10/6/2022 AL, mỗi dây hụi có 21 phần, mãn ngày 10/01/2024 AL, bà N tham gia mỗi dây 01 phần, đã hốt 02 phần hụi vào tháng 7/2022 AL. Sau khi hốt hụi bà N đã đóng hụi chết cho bà L đầy đủ, đến tháng 3/2023 AL thì bà N ngưng không đóng nữa. Số tiền hụi chết bà N còn phải trả cho bà L từ tháng 3/2023 AL cho đến khi mãn hụi 01/2024 AL là 11 tháng x 3.000.000 đồng/tháng x 02 phần = 66.000.000đ (Sáu mươi sáu triệu đồng).

Tổng số tiền nợ hụi mà bà N còn nợ lại bà L là 186.000.000 đồng. Khi tham gia chơi hụi bà N nói mục đích chơi hụi là tiết kiệm tiền để phát triển kinh tế gia đình và kinh doanh mua bán dừa. Khi hốt hụi bà N đã ký tên và xác nhận việc đã nhận đủ tiền hụi, khi giao tiền hụi ông T biết sự việc trên, đồng ý để bà N nhận tiền hụi. Tuy nhiên, khi đóng hụi chết được một thời gian thì bà N không tiếp tục đóng hụi chết cho bà L nữa. Hiện nay bà N làm ăn thua lỗ nên nhiều chủ nợ khác đang thưa kiện vợ chồng bà N. Bà N đang thực hiện việc chuyển nhượng đất để trả nợ cho các chủ nợ khác nhưng không trả nợ cho bà L, mặc dù bà L đã nhiều lần gọi điện cũng như đến nhà yêu cầu bà N, ông T trả nợ nhưng bà N, ông T trốn tránh không thực hiện.

Nay bà L khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị Thu N và ông Võ Thanh T có trách nhiệm liên đới trả cho bà L số tiền nợ hụi là 186.000.000đ (Một trăm tám mươi sáu triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Phạm Thị Thu N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Thanh T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng mời đến tòa tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và dự phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án nhưng ông bà vắng mặt không có lý do nên không có lời khai cũng như không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Kiểm sát viên Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký:

Thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72, 73 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Liễu về việc tranh chấp hụi với bà Pham Thị Thu N, ông Võ Thanh T. Buộc bà N, ông T có trách nhiệm liên đới trả cho bà L số tiền nợ hụi là 186.000.000 đồng. Ghi nhận bà L không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị Thu N, ông Võ Thanh T cùng cư trú tại khu phố B, thị trấn G, huyện G, tỉnh Bến Tre có trách nhiệm trả tiền nợ hụi là vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Bà N, ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vụ án vắng mặt bà N, ông T là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Bà N, ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại tòa không có lý do thì xem như đã tự tước bỏ quyền được chứng minh, trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và phải chịu hậu quả pháp lý của việc vắng mặt đó. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận lời khai, tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập được để làm căn cứ cho việc giải quyết vụ án là phù hợp.

[2.1] Bà L yêu cầu bà N, ông T có trách nhiệm liên đới trả số tiền nợ 04 dây hụi 3.000.000 đồng/tháng, khui ngày 25/02/2022 AL là 120.000.000 đồng và 02 dây hụi 3.000.000 đồng/tháng, khui ngày 10/6/2022 AL là 66.000.000 đồng. Tổng cộng là 186.000.000 đồng. Theo đó, người đại diện theo ủy quyên của bà L trình bày, sau khi hốt hụi bà N đã đóng hụi chết đầy đủ cho bà L, từ tháng 3/2023Al bà N ngưng không đóng hụi chết nữa. Các phần hụi nêu trên hiện nay đã mãn, bà L đã nhiều lần đến nhà yêu cầu bà N, ông T trả tiền nhưng bà N, ông T trốn tránh không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Chứng cứ nguyên đơn cung cấp là 06 giấy danh sách hụi viên dây hụi 3.000.000 đồng khui ngày 25/02/2022Al và ngày 10/6/2022 AL, thể hiện bà N có tham gia chơi 06 phần hụi do bà L làm chủ hụi. Như vậy, có căn cứ xác định bà N có tham gia chơi 06 dây hụi do bà L làm chủ hụi. Quá trình chơi hụi bà N đã hốt hết 06 phần hụi đã tham gia. Tại 03 giấy giao tiền hụi do bà L

cung cấp thể hiện ngày 30/02/2022Al bà L có giao cho bà N số tiền hụi đã hốt 02 dây hụi ngày 25/02/2022Al là 94.980.000 đồng; ngày 30/4/2022Al, bà L giao cho bà N số tiền hụi đã hốt 02 dây hụi ngày 25/02/2022Al là 102.240.000 đồng; ngày 15/7/2022Al bà L có giao cho bà N số tiền hụi đã hốt 02 dây hụi ngày 10/6/2022Al là 86.220.000 đồng. Các giấy giao tiền hụi bà N đều có ký tên người nhận tiền. Mặc khác, Tòa án đã ra thông báo yêu cầu bà N, ông T cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh ông bà không có nợ bà L số tiền nợ hụi 186.000.000 đồng. Ông T đã trực tiếp nhận được thông báo của Tòa án và tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp nhưng ông T, bà N không có ý kiến gì thì xem như đã mặc nhiên thừa nhận ông bà có nợ bà L số tiền hụi nêu trên. Do bà N không thực hiện nghĩa vụ đóng tiền hụi chết đầy đủ cho bà L và các dây hụi này đã mãn nên bà L khởi kiện yêu cầu bà N có trách nhiệm trả tiền nợ hụi là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận. Ghi nhận bà L không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền nêu trên.

[2.2] Về trách nhiệm liên đới: Bà N, ông T là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện G, tỉnh Bến Tre. Theo xác minh thì bà N, ông T làm nghề mua bán dừa, bà N là người trực tiếp mua dừa, ông T lái xe tải thu gôm dừa nên việc bà N chơi hụi nhằm mục đích phát triển kinh tế chung trong gia đình. Bà N chơi hụi trong một thời gian gian dài, bà N, ông T sống chung nhà nên ông T có biết việc bà N tham gia chơi hụi của bà L. Do đó, bà L yêu cầu ông T có trách nhiệm liên đới cùng bà N trả số tiền nợ hụi 186.000.000 đồng là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như phân tích nêu trên thì yêu cầu khởi kiện của bà L là có căn cứ được chấp nhận. Buộc bà N, ông T có trách nhiệm trả liên đới trả cho bà L số tiền nợ hụi là 186.000.000 đồng, không tính lãi suất.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của bà L được chấp nhận nên bà N, ông T phải chịu án phí theo quy định là 186.000.000 đồng x 5% = 9.300.000 đồng. Hoàn tạm ứng án phí cho bà L.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, 227, 228, 273, 278 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Các Điều 27, 37 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L về việc tranh chấp hụi đối với bà Phạm Thị Thu N, ông Võ Thanh T.

Buộc bà Phạm Thị Thu N, ông Võ Thanh T có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền nợ hụi là 186.000.000đ (Một trăm tám mươi sáu triệu đồng).

Ghi nhận bà Nguyễn Thị L không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền nêu trên.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị Thu N, ông Võ Thanh T phải chịu số tiền là 9.300.000đ (Chính triệu ba trăm nghìn đồng).

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp tổng cộng là 4.650.000đ (Bốn triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) theo các biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002833 ngày 30/01/2024 và số 0002891 ngày 22/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bến Tre.

Quyền kháng cáo, kháng nghị: Đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được thông báo, niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện G;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Khắc Giang